ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2893/TTr-UBND	*Tràng Định, ngày 08 tháng 7 năm 2024*

Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Tràng Định
Cơ quan: Tỉnh Lạng Sơn
Thời gian ký: 08/07/2024 08:16:35

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tràng Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Tràng Định.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tràng Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000;

Căn cứ Thông báo số 1471-TB/HU ngày 17/4/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy tại hội nghị kỳ chuyên đề ngày 16/4/2024;

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện trình Hội đồng nhân dân (HĐND) huyện thông qua đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tràng Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000 với các nội dung sau:

I. Các căn cứ pháp lý liên quan đến triển khai lập đồ án quy hoạch vùng huyện Tràng Định:

- Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tràng Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000;

- Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc điều hòa kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

- Quyết định số 3152/QĐ-UBND, ngày 05/12/2022 của UBND huyện Tràng Định về việc giao chủ đầu tư và kế hoạch vốn thực hiện dự án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tràng Định, tỷ lệ 1/25.000;

- Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch LCNT Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tràng Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1494/QĐ-UBND, ngày 06/7/2023 của UBND huyện Tràng Định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn gói thầu khảo sát đo đạc, lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tràng Định, tỷ lệ 1/25.000;

- Văn bản số 860/KT&HT, ngày 15/12/2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện về việc đề nghị cho ý kiến góp ý nội dung Đồ án Quy hoạch vùng huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000 *(gửi các cơ quan ban ngành trên địa bàn huyện và UBND các xã thị trấn)*; Văn bản số 313/UBND-KTHT, ngày 18/01/2024 của UBND huyện về việc xin ý kiến Đồ án Quy hoạch vùng huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000 (gửi các sở ngành của tỉnh và các huyện giáp danh với huyện Tràng Định); Báo cáo số 95/BC-KT&HT ngày 01/02/2024 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tổng hợp hợp nội dung lấy ý kiến cơ quan, tổ chức đối với đồ án quy hoạch vùng huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000;

- Báo cáo số 1106/BC-UBND, ngày 22/3/2024 của UBND huyện Tràng Định về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp đối với Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000;

- Thông báo số 1471-TB/HU ngày 17/4/2024 của Huyện ủy Tràng Định về thông báo kết luận của Ban thường vụ huyện ủy tại hội nghị kỳ chuyên đề; Báo cáo số 316/BC-UBND, ngày 07/5/2024 của UBND huyện Tràng Định về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp đối với Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 *(tiếp thu các ý kiến góp ý tại cuộc họp Thường vụ Huyện ủy);*

- Hồ sơ Đồ án quy hoạch vùng đã được tư vấn tiếp thu, giải trình chỉnh sửa sau các ý kiến góp ý.

II. Nội dung đồ án quy hoạch vùng:

1. Tên Đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tràng Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô, thời hạn lập quy hoạch

2.1. Vị trí, phạm vi ranh giới: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Tràng Định. Cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp huyện Thạch An tỉnh Cao Bằng;

+ Phía Đông - Đông Bắc giáp huyện Long Châu, Quảng Tây, Trung Quốc;

+ Phía Nam – Tây Nam giáp huyện Văn Lãng và huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;

+ Phía Tây giáp huyện Na Rì tỉnh Bắc Kạn.

2.2. Quy mô, thời hạn lập Quy hoạch

- Quy mô diện tích: 101.671,31 ha;

- Thời hạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030; giai đoạn dài hạn đến năm 2040; tầm nhìn định hướng đến năm 2050.

3. Mục tiêu, tính chất chức năng quy hoạch

3.1. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Lạng Sơn. Phát huy thế mạnh về vị trí chiến lược của huyện, các tiềm năng về nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, văn hóa, sinh thái và cảnh quan để tạo ra bước tăng trưởng kinh tế, nâng cao vai trò vị thế của huyện.

- Đáp ứng định hướng phát triển không gian hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, quy hoạch các ngành, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của huyện và Quy hoạch xây dựng tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý các quy hoạch, làm tiền đề thu hút đầu tư, định hướng phát triển hợp lý các nguồn lực nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, phát huy sức mạnh tổng hợp, các thế mạnh, tiềm năng và lợi thế của vùng đảm bảo phát triển hài hòa bền vững giữa đô thị và nông thôn.

- Xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phát triển kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững.

- Hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các thị trấn, trung tâm xã, các cụm công nghiệp và các thị tứ.

3.2. Tính chất:

- Là huyện nông thôn mới của tỉnh; vùng phát triển đảm nhận vai trò chức năng cung cấp các hoạt động các dịch vụ, sản xuất nông nghiệp như lương thực, chăn nuôi; phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch.

- Là vùng động lực kinh tế phía Tây Bắc cho định hướng phát triển tỉnh Lạng Sơn.

- Là vùng kinh tế nông lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế thông qua hai cửa khẩu Nà Nưa và cửa khẩu Bình Nghi, là vùng huyện có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền biên giới, an ninh quốc gia.

- Là địa phương có tiềm năng về du lịch, với những địa điểm du lịch hấp dẫn như: Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chiến thắng đường số 4, hang Bản Bó, hang Cốc Mười – Khu Pác Lùng Ký Làng, đỉnh Khau Hương… cùng với những đặc sản địa phương có tiếng như Vịt quay, Thạch đen, Bánh khảo, Pẻng Khua, Gạo nếp ong vàng…

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng

4.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2022-2030 đạt khoảng 7,5%/ năm; giai đoạn 2030 – 2040 đạt khoảng 8%.

- Kinh tế huyện phát triển với tốc độ cao, đa ngành, trước hết là khai thác nông, lâm sản hàng hóa và dịch vụ, du lịch.

- Cơ cấu kinh tế chuyển đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.

+ Năm 2030: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 27%; Công nghiệp – TTCN, xây dựng chiếm 38%; Thương mại, dịch vụ chiếm 35%.

+ Năm 2040: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 24%; Công nghiệp – TTCN, xây dựng chiếm 25%; Thương mại, dịch vụ chiếm 51%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 đạt khoảng 52 triệu đồng; năm 2040 đạt khoảng 75 triệu đồng.

4.2. Dự báo phát triển dân số, lao động:

- Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2023 là: 61.165 người.

- Dự báo đến năm 2030 dân số huyện Tràng Định đạt 66.266 người, trong đó dân số đô thị khoảng 26.708 người, dân số nông thôn khoảng 39.558 người.

- Dự báo đến năm 2040 dân số toàn huyện Tràng Định khoảng 76.213 người, trong đó dân số đô thị khoảng 33.223 người, dân số nông thôn khoảng 43.143 người.

- Dự báo đến năm 2050 dân số toàn huyện khoảng 88.271 người, trong đó dân số đô thị khoảng 41.321 người, dân số nông thôn khoảng 46.950 người.

5. Định hướng phát triển không gian vùng

5.1. Phân vùng phát triển kinh tế

Tiểu vùng I (Tiểu vùng phía Đông)

- Quy mô đất: 38.717,60 ha gồm 7 xã Quốc Khánh, Tri Phương, Đội Cấn, Quốc Việt, Trung Thành, Tân Minh và Đào Viên.

- Dân số dự báo: Đến năm 2030 khoảng 20.784 người, năm 2040 vào khoảng 23.440 người.

- Là vùng phát triển kinh tế mậu biên, giao lưu hàng hoá với Trung Quốc, phát triển du lịch, phát triển nông - lâm nghiệp gắn với dịch vụ chế biến. Dự kiến hình thành đô thị gắn với kinh tế cửa khẩu gồm Long Thịnh, Bình Độ.

Định hướng:

+ Tập trung phát triển vùng thâm canh thạch đen, mía, sắn, cây thực phẩm (khoai môn), cây ăn quả bản địa, cây nguyên liệu giấy... Phát triển Trung tâm sản xuất và cung ứng giống vùng Đông Bắc.

+ Phát triển kinh tế rừng bao gồm trồng, chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng, kết hợp phát triển du lịch sinh thái; phát triển mô hình nông lâm kết hợp; bổ sung diện tích trồng mới rừng sản xuất, phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng các mô hình gắn kết cộng đồng địa phương tham gia và chia sẻ lợi ích công bằng vào công tác quản lý rừng; gắn phát triển kinh tế với quản lý rừng bền vững.

+ Quy hoạch, nâng cấp cơ sở hạ tầng, dịch vụ, du lịch… tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế thương mại, văn hóa, xã hội giữa huyện với địa phương bên kia biên giới.

+ Phát triển du lịch sinh thái: xây dựng tuyến du lịch sinh thái Bản Trại - Bình Nghi; xây dựng các điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng: điểm du lịch sinh thái Bản Bó xã Tri Phương; Du lịch cộng đồng thôn Lũng Slàng xã Tri Phương. Xây dựng các khu du lịch sinh thái gắn với giá trị lịch sử cách mạng Hang Cốc Mười - Khu Pác Lùng Ký Làng xã Tri Phương.

+ Phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp, tập trung phát triển công nghiệp chế biến VLXD, chế biến nông lâm sản. Giai đoạn sau 2030: xây dựng CCN Quốc Khánh.

Tiểu vùng II (Tiểu vùng Trung tâm)

- Quy mô đất: 20.846,33 ha gồm 6 xã và thị trấn là Chi Lăng, Đề Thám, Hùng Sơn, Kháng Chiến, Hùng Việt và thị trấn Thất Khê.

- Dân số dự báo: Đến năm 2030 khoảng 33.805 người, năm 2040 vào khoảng 39.589 người

- Đây là vùng phát triển nhất của huyện với chức năng chính của vùng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện, vừa là trung tâm chuyên canh cây lương thực, thực phẩm, là nơi tập trung phát triển các cơ sở công nghiệp -

TTCN và các hoạt động thương mại - dịch vụ của huyện. Phát triển thị trấn Thất Khê đóng vai trò là trung tâm tổng hợp cho Huyện.

Định hướng:

- Phát triển thương mại dịch vụ, CN- TTCN trở thành trung tâm kinh tế vùng

- Khoanh vùng nuôi trồng, tập trung phát triển các cây trồng, vật nuôi thế mạnh của địa phương

- Xây dựng các điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng: Du lịch sinh thái đỉnh Khau Hương xã Đề Thám; Du lịch văn hóa tín ngưỡng Đền Gốc Sung; Đền Quan Lãnh Thị trấn Thất Khê.

Tiểu vùng III (Tiểu vùng phía Tây)

- Quy mô đất: 42.107,40ha: gồm 7 xã Tân Tiến, Kim Đồng, Chí Minh, Đoàn Kết, Tân Yên, Cao Minh và Khánh Long (+Vĩnh Tiến).

- Dân số dự báo: Đến năm 2030 khoảng 11.677 người, năm 2040 vào khoảng 13.337 người.

- Chức năng chính của vùng là phát triển cây lâm nghiệp, cây ăn quả, kết hợp phát triển du lịch, phát triển chăn nuôi, thủy sản. Đô thị Áng Mò (xã Tân Tiến) là trung tâm tiểu vùng.

Định hướng:

- Duy trì, bảo vệ diện tích rừng phòng hộ, mở rộng diện tích rừng sản xuất;

- Phát triển nông nghiệp với các cây trồng chủ lực Quế, hồi, dược liệu

- Phát triển du lịch sinh thái Hồ Thuỷ điện Bắc Khê I xã Kim Đồng; du lịch trải nghiệm dân tộc Mông xã Cao Minh.

- Phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp, tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản. Giai đoạn sau 2040: xây dựng gồm CCN Tân Tiến.

5.2. Định hướng phát triển đô thị - nông thôn

- Giai đoạn 2022-2030: Phát triển đô thị tại thị trấn Thất Khê và 03 khu vực tập trung hoạt động sản xuất tạo tiền đề hình thành đô thị.

** Thị trấn Thất Khê*

- Giai đoạn 2022 - 2025: Rà soát điều chỉnh QHC xây dựng thị trấn Thất Khê; Sáp nhập xã Đại Đồng vào thị trấn Thất Khê; Đầu tư khắc phục các tiêu chí còn thiếu so với yêu cầu đô thị loại V như: Diện tích sàn nhà ở bình quân; đầu mối giao thông; số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động); mật độ đường cống thoát nước chính...

- Giai đoạn 2026 - 2030: Cải tạo, nâng cấp chất lượng hạ tầng, kiến trúc cảnh quan đô thị, đầu tư xây dựng đạt điểm tối đa theo yêu cầu tiêu chí đô thị loại V như: Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò; cân đối thu chi ngân sách; thu nhập bình quân đầu người; chuyển dịch cơ cấu kinh tế…

+ Không gian đô thị: Phát triển mở rộng theo các trục, các tuyến giao thông cấp quốc gia và cấp vùng là cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh, QL 4A, QL 3B và phát triển về phía Đông sáp nhập với xã Đại Đồng.

- Giai đoạn 2030-2040: Đầu tư, cải tạo, nâng cấp chất lượng hạ tầng, kiến trúc cảnh quan đô thị, đầu tư xây dựng theo yêu cầu các tiêu chí đô thị loại IV. Từng bước công nhận thị trấn Thất Khê là đô thị loại IV.

- Tầm nhìn đến 2050: Hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV. Công nhận thị trấn Thất Khê là đô thị loại IV.

** Đô thị Long Thịnh (xã Quốc Khánh):*

- Giai đoạn 2030 – 2040, đầu tư khắc phục các tiêu chí còn thiếu so với yêu cầu đô thị loại V như: Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò; Thu nhập bình quân đầu người/ năm so với cả nước; Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất; Dân số toàn đô thị; Mật độ dân số toàn đô thị… Công nhận đô thị Long Thịnh là đô thị loại V.

+ Không gian đô thị: Phát triển mở rộng theo các trục, các tuyến giao thông cấp vùng và tỉnh là QL 3B.

- Tầm nhìn đến 2050: Đầu tư, hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí, phấn đấu theo chỉ tiêu đô thị loại IV.

** Đô thị Áng Mò (xã Tân Tiến)*

- Giai đoạn 2030 – 2040, đầu tư khắc phục các tiêu chí còn thiếu so với yêu cầu đô thị loại V như: Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò; Thu nhập bình quân đầu người/ năm so với cả nước; Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất; Dân số toàn đô thị; Mật độ dân số toàn đô thị… Công nhận đô thị Áng Mò là đô thị loại V.

+ Không gian đô thị: Phát triển mở rộng theo các trục, các tuyến giao thông cấp vùng và tỉnh là QL 3B.

- Tầm nhìn đến 2050: Đầu tư, hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí, phấn đấu theo chỉ tiêu đô thị loại IV.

** Đô thị Bình Độ (xã Quốc Việt)*

- Giai đoạn 2030 – 2040, đầu tư khắc phục các tiêu chí còn thiếu so với yêu cầu đô thị loại V như: Tiêu chuẩn vị trí, chức năng, vai trò; Thu nhập bình quân đầu người/ năm so với cả nước; Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất; Dân số toàn đô thị; Mật độ dân số toàn đô thị… Công nhận đô thị Bình Độ là đô thị loại V.

+ Không gian đô thị: Phát triển mở rộng theo các trục, các tuyến giao thông cấp vùng và tỉnh 229.

- Tầm nhìn đến 2050: Đầu tư, hoàn thiện, nâng cao các tiêu chí, phấn đấu theo chỉ tiêu đô thị loại IV.

5.3. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn

* Giai đoạn đến 2030:

- Phấn đấu 100% số xã đạt tiêu chuẩn xã Nông thôn mới. Các dự án, chương trình phát triển sẽ ưu tiên vào:

+ Hoàn thiện công tác lập quy hoạch nông thôn mới đồng bộ với quy hoạch huyện và quy hoạch đô thị

+ Huy động mọi nguồn lực hoàn thiện mạng lưới giao thông, chú trọng vào mạng lưới giao thông liên xã nhằm đảm bảo vận tải hàng hóa và tránh rủi ro cho thiên tai.

+ Nâng cấp mạng lưới cấp điện đến các khu dân cư trung tâm xã.

+ Nâng cấp cơ sở vật chất hệ thống giáo dục. Khuyến khích và hỗ trợ giáo viên và học sinh về điều kiện học tập.

+ Phát triển mạng lưới thương mại nông thôn, gắn với các khu vực trung tâm xã.

+ Cải thiện chất lượng nhà ở, từng bước xóa bỏ nhà tạm, kém chất lượng.

+ Từng bước nâng cao thu nhập, giảm nghèo thông qua các kiến nghị chính sách, chuyển đổi nghề nghiệp và đẩy mạnh công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ sản xuất hàng hóa nông, lâm nghiệp.

+ Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân thông qua cải thiện mạng lưới giao thông để tiếp cận đến các công trình y tế cấp Huyện dự kiến hình thành trong giai đoạn này.

- Phấn đấu 09 xã (chiếm tỷ lệ 45%) đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao. Từng bước nâng cao chất lượng hạ tầng cơ sở của 11 xã (không bao gồm xã Đại Đồng sáp nhập vào thị trấn Thất Khê) để tạo tiền đề đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

* Giai đoạn 2030 - 2040:

- Duy trì 100% số xã đạt tiêu chuẩn xã Nông thôn mới. Tiếp túc duy trì tốc độ gia tăng thu nhập và thoát nghèo của người dân.

- Phấn đấu 100% số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

5.4. Định hướng phát triển công nghiệp:

* Giai đoạn đến 2030:

- Hình thành và phát triển 04 cụm công nghiệp gồm:

+ Cụm công nghiệp xã Kháng Chiến: Là trung tâm sản xuất hàng hóa tổng hợp, kết nối với trục phát triển chính của Huyện theo QL4A và kết nối ra cao tốc qua thị trấn Thất Khê. Gồm 3 cụm công nghiệp nhỏ mỗi cụm Quy mô khoảng 60 ha.

+ Cụm công nghiệp xã Quốc Khánh: Là khu vực phục vụ sản xuất chế biến. dịch vụ logistic hàng lâm sản, gắn kết với đường QL3B và hoạt động thương mại cửa khẩu Nà Nưa. Quy mô giai đoạn đến 2030 khoảng 30 ha.

* Giai đoạn 2030 – 2040

- Phát triển mở rộng 04 cụm công nghiệp đã có và dự kiến hình thảnh mới 06 cụm công nghiệp. Cụ thể:

+ Cụm công nghiệp xã Kháng Chiến: Tập trung ổn định hoạt động sản xuất. Không mở rộng quy mô.

+ Cụm công nghiệp xã Quốc Khánh: Duy trì hoạt động sản xuất đã đề xuất. Giai đoạn đến 2040 dự kiến mở rộng quy mô khoảng 50ha.

+ Hình thành cụm công nghiệp xã Đề Thám: Là khu vực phục vụ sản xuất chế biến. dịch vụ logistic hàng nông sản, gắn kết với đường cao tốc và đường TL226 nối với huyện Bình Gia. Quy mô giai đoạn đến 2040 khoảng 45ha.

+ Hình thành cụm công nghiệp xã Tân Tiến: Là khu vực phục vụ sản xuất chế biến. dịch vụ logistic hàng lâm sản, gắn kết với đường QL3. Quy mô giai đoạn đến 2040 khoảng 29ha.

+ Hình thành cụm công nghiệp xã Chí Minh: Là khu vực phục vụ sản xuất hỗ trợ phát triển hàng hóa lâm sản, cây ăn quả, gắn kết với đường QL4A và đường cao tốc. Quy mô giai đoạn đến 2040 khoảng 30ha.

+ Hình thành cụm công nghiệp xã Quốc Việt: Là khu vực phục vụ sản xuất chế biến, dịch vụ logistic hàng lâm sản, gắn kết với đường ĐT 229 và hoạt động thương mại cửa khẩu Bình Nghi. Quy mô giai đoạn đến 2040 khoảng 45ha.

+ Hình thành cụm công nghiệp xã Quốc Việt (Bình Độ): Là khu vực phục vụ sản xuất chế biến, dịch vụ logistic hàng lâm sản. Quy mô giai đoạn đến 2040 khoảng 40ha.

+ Hình thành cụm công nghiệp xã Tân Yên nhằm hỗ trợ phát triển dân cư và thu mua hàng lâm sản cho các xã Tân Yên, Cao Minh, Đoàn Kết, Kháng Long. Quy mô dự kiến khoảng 25 ha.

* Tầm nhìn đến 2050: Duy trì các hoạt động sản xuất, hạn chế mở rộng quy mô các cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

5.5. Định hướng phát triển du lịch

* Giai đoạn đến 2030: Tập trung đầu tư xây dựng các hoạt động du lịch cơ bản gắn với cộng đồng, gồm:

- Phát triển tuyến du lịch, và các công trình dịch vụ du lịch: TP Lạng Sơn – Na Sầm – Thất Khê (theo QL4);

- Tuyến du lịch chuyên đề văn hóa: Thị trấn Thất Khê – Tri Phương – Quốc Khánh;

- Cải tạo và nâng cấp các công trình di tích lịch sử văn hóa, cách mạng tại các xã: Tri Phương, Quốc Khánh, Đề Thám và thị trấn Thất Khê;

- Xây dựng Khu Du lịch cộng đồng thôn Lũng Slàng xã Tri Phương;

- Xây dựng khu Du lịch sinh thái Bản Bó xã Tri Phương…;

- Xây dựng khu Du lịch sinh thái Hồ thuỷ điện Bắc Khê xã Kim Đồng.

- Xây dựng khu du lịch hồ thủy điện Thác Xăng.

* Giai đoạn 2030 -2040

- Mở rộng và nâng cấp đầu tư xây dựng các hoạt động du lịch, gồm:

- Tuyến du lịch chuyên đề văn hóa: Thị trấn Thất Khê – Kim Đồng – Đoàn Kết;

- Cải tạo các công trình di tích lịch sử văn hóa, cách mạng tại các xã: Chi Lăng, Tân Yên, Hùng Sơn, Hùng Việt, Quốc Việt;

- Xây dựng Khu Du lịch làng văn hóa dân tộc H'Mông Lạng Sơn tại xã Cao Minh;

- Xây dựng khu du lịch cộng đồng tại xã Đoàn Kết: Tập trung phát triển du lịch văn hóa cộng đồng khám phá những phong tục tập quán của người dân bản địa thông qua các hoạt động sản xuất thường ngày như đi nương lội suối, bắt cá nấu rượu men lá, thưởng thức món ăn và nghe hát dân ca;

- Xây dựng khu du lịch cộng đồng tại xã Chí Minh: Tập trung phát triển du lịch văn hóa cộng đồng, các làng văn hóa dân tộc thôn Bản Ca, thôn Pác Bó...;

- Xây dựng khu du lịch sinh thái Khuổi Vai, thôn Bắc Ái, xã Đề Thám;

- Xây dựng khu du lịch cộng đồng tại xã Quốc Việt;

5.6. Định hướng phát triển thương mại – dịch vụ:

* Giai đoạn đến 2030

Giai đoạn này tập trung vào phát triển các lợi thế về giao thông và XNK thông qua các cửa khẩu trên địa bàn. Các dự án gồm:

- Phát triển khu vực thương mại tại cửa khẩu Nà Nưa;

- Phát triển khu vực thương mại tại cửa khẩu Bình Nghi;

- Xây dựng các chuyên đề thương mại tại thị trấn Thất Khê;

- Xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ đèo Bông Lau, xã Tri Phương;

- Xây dựng trung tâm thương mại và dịch vụ logistic QL4A, xã Kháng Chiến;

- Cải tạo các chợ đầu mối trên cơ sở hiện có tại Long Thịnh (xã Quốc Khánh); Áng Mò (xã Tân Tiến); Bình Độ (xã Quốc Việt) và thị trấn Thất Khê.

* Giai đoạn 2030 – 2040: Giai đoạn này hoàn thiện, nâng cao chất lượng các công trình thương mại dịch vụ và tiếp tục xây dựng các trung tâm thương mại đầu mối mới. Các dự án gồm:

- Mở rộng khu vực thương mại tại cửa khẩu Nà Nưa;

- Mở rộng khu vực thương mại tại cửa khẩu Bình Nghi;

- Mở rộng trung tâm thương mại dịch vụ đèo Bông Lau, xã Tri Phương;

- Mở rộng trung tâm thương mại và dịch vụ logistic QL4A, xã Kháng Chiến;

- Xây dựng mới chợ đầu mối tại xã Đoàn Kết;

- Xây dựng mới chợ đầu mối tại xã Kim Đồng.

5.7. Định hướng phát triển nông - lâm – ngư nghiệp

- Về nông nghiệp: Quỹ đất phát triển nông nghiệp là thấp, do đó cần đẩy mạnh ứng dung khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất.

+ Đối với cây lương thực chính: Duy trì ổn định diện tích các cây lương thực chính gồm lúa, ngô và có xu hướng giảm trong dài hạn nhưng năng suất đạt sản lượng đảm bảo an ninh lương thực. Theo đó, diện tích trồng lúa khoảng 4.000 ha, diện tích trồng ngô khoảng 1000 ha tập trung chủ yếu tại Thị trấn Thất Khê (mở rộng), các xã Chi Lăng, Tân Tiến, Kim Đồng, Tri Phương, Quốc Khánh.

+ Đối với cây có giá trị sản phẩm hàng hóa cao gồm Thạch đen và Hồi, Quế, Sở, những sản phẩm này có lợi thế cạnh tranh gắn với công nghiệp hóa hiện đại hóa. Diện tích trồng cây Thạch đen khoảng 5.000 ha, tập trung chủ yếu trên địa bàn các xã Cao Minh, Tân Tiến, Kim Đồng, Đề Thám, Chi Lăng, Tri Phương, Đội Cấn, Hùng Sơn, Thị trấn Thất Khê (mở rộng). Tăng diện tích trồng Thạch đen trên diện tích đất lúa 1 vụ, đất vườn nhà, vườn đồi. Diện tích trồng Quế khoảng 20.000 ha (trồng mới 15.000 ha), trồng Hồi khoảng 3.000 ha (trồng mới khoảng 2.000 ha), trồng Sở khoảng 2.000 ha (trồng mới khoảng 1.500 ha). Khu vực phát triển Quế, Hồi, Sở chủ yếu tại các xã phía Tây và các khu vực xã khó khăn gồm các xã Đoàn Kết, Cao Minh, Tân Yên, Vĩnh Tiến, Kim Đồng, Chi Lăng, Tri Phương, Quốc Khánh, Tân Minh, Đào Viên, Quốc Việt, Hùng Việt, Hùng Sơn, Đề Thám.

+ Đối với cây ăn quả: Phát triển một số cây ăn quả, cây đặc sản của địa phương có tiềm năng như Cam, Quýt, Hồng đỏ (Kim sẩy), Lê, Mận, Đào. Phát triển cây Trám đen, trám trắng. Phát triển trồng mới cây Mắc ca.

+ Đối với cây dược liệu: Phát triển vùng trồng Dược liệu tạo cơ sở phát triển cây Dược liệu trở thành sản phẩm hàng hóa. Diện tích trồng dự kiến khoảng 3.500 ha, được phân bố tại các xã Khánh Long (+Xã Vĩnh Tiến), Tân Yên, Tân Tiến, Tân Minh, Đào Viên, Đề Thám.

+ Đối với rau: Phát triển vùng trồng rau tạo cơ sở phát triển trở thành sản phẩm hàng hóa. Diện tích trồng rau các loại khoảng 200 ha tại khu vực thị trấn Thất Khê các xã lân cận.

- Về lâm nghiệp: Phần lớn diện tích của huyện là rừng do đó, cần xem xét khai thác hiệu quả mang lại nguồn lợi kinh tế cho người dân.

+ Rừng phòng hộ: Bảo vệ diện tích hiện có của rừng phòng hộ.

+ Rừng sản xuất: Chăm sóc và duy trì hiệu quả diện tích trồng rừng hiện tại đối với các cây Keo, Bạch đàn. Trồng mới rừng Keo trên những diện tích rừng Bạch đàn và Keo sau khai thác theo tiêu chuẩn rừng cấp chứng chỉ FSC. Diện tích theo tiêu chuẩn FSC khoảng 3.000 – 5.000ha. Mở rộng diện tích trồng rừng với những cây bản địa có giá trị kinh tế cao như Giổi xanh, Lát hoa… bao gồm cả việc trồng cây phân tán có diện tích khoảng 1.000 ha. Chăm sóc và thử nghiệm việc khai thác nhựa đối với cây Thông để tăng thu nhập.

- Về chăn nuôi:

+ Về chăn nuôi. Đối với tổng đàn gồm (gà 350.000 con; Vịt 80.000 con; Dê 2.500 con; Ngựa 1.000 con; Bò 2.000 con; cá 80 lồng và 90 ha). Phát triển tập trung tại các xã; Kháng Chiến; Đội Cấn; Quốc Khánh; Tri Phương; Chí Minh; Trung Thành; Tân Minh; Hùng Việt; Quốc Việt; Đào Viên; Kim Đồng; Thất Khê mở rộng. Trong đó đẩy mạnh phát triển Vịt Thất Khê theo chuỗi giá trị, đặc biệt chú trọng cung cấp và bảo tồn nguồn gen Vịt đầu xanh Tràng Định.

+ Phát triển nuôi Ong theo chuỗi giá trị với quy mô số lượng thùng ong khoảng 3.700 thùng.

+ Chuyển đổi một số diện tích trồng 1 vụ lúa và đất trồng ngô sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò thâm canh.

6. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

6.1. Công trình trụ sở cơ quan, trụ sở làm việc:

- Trung tâm hành chính - chính trị và các cơ quan làm việc huyện Tràng Định: được duy trì tại vị trí hiện nay, bao gồm các phòng ban, cơ quan cấp huyện được ổn định trên cơ sở cơ cấu tổ chức hành chính hiện nay theo mô hình hợp khối. Theo định hướng quy hoạch chung thị trấn Thất Khê, khu vực sẽ được tích hợp với các công trình hạ tầng xã hội khác (Quảng trường, trung tâm văn hoá - thể thao, sân vận động, nhà văn hoá, công viên cây xanh trung tâm…).

- Hệ thống trụ sở làm việc các cơ quan hành chính cấp thị trấn và xã: Cơ bản được cải tạo chỉnh trang tại chỗ, đáp ứng điều kiện, môi trường làm việc. Việc quy hoạch cụ thể thực hiện theo các đồ án quy hoạch nông thôn mới. Đối với UBND thị trấn Thất Khê sau khi sáp nhập với xã Đại Đồng sẽ được xây dựng trụ sở làm việc mới thực hiện theo đồ án Quy hoạch chung đô thị.

6.2. Công trình thương mại dịch vụ: Hầu hết các xã đều thiếu công trình thương mại, do đó tập trung xây dựng các chợ tại các xã để hoàn thành tiêu chí nông thôn mới.

6.3. Cơ sở y tế:

- Bệnh viên đa khoa: Trong giai đoạn đến 2030 sẽ lập dự án đầu tư xây dựng mới bệnh viện đa khoa huyện đáp ứng quy mô 500 giường. Bệnh viện hiện trạng sẽ chuyển đổi công năng thành trung tâm y tế gắn với sự mở rộng đô thị Thất Khê.

- Trạm y tế: Nâng cấp, đầu tư củng cố, tăng cường cơ sở vật chất cho các trạm y tế xã, thị trấn; xây dựng các trạm y tế đảm bảo theo tiêu chí đạt chuẩn về y tế.

- Hệ thống khám chữa bệnh tư nhân: Khuyến khích, tạo điều kiện phát triển hệ thống phòng khám bệnh tư nhân, hệ thống cung cấp dịch vụ y tế của các cơ sở hành nghề y dược tư nhân.

6.4. Hệ thống cơ sở giáo dục đào tạo:

- Đối với hệ thống đào tạo dạy nghề: Trên địa bàn huyện sẽ không hình thành cơ sở chuyên trách nhưng sẽ hình thành các trung tâm đào tạo nghề gắn với các cơ sở sản xuất. Các cơ sở cần nâng cao cơ sở vật chất, cập nhật nội dung đào

tạo các ngành nghề xã hội đang có nhu cầu, tăng cường thực hành để đào tạo học sinh có tay nghề đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- Hệ thống trường THPT: Trong giai đoạn đến 2030 tiếp tục duy trì số lượng 02 trường THPT như hiện nay, gồm Trường THPT Tràng Định tại thị trấn Thất Khê và Trường THPT Bình Độ. Đến giai đoạn 2030-2040 sẽ xây dựng mới thêm 02 trường THPT để đảm bảo khả năng tiếp cận thuận lợi cho người học, dự kiến đặt tại xã Quốc Khánh (Đô thị Long Thịnh) và xã Tân Tiến (Đô thị Áng Mò), đồng thời di dời Trường PTTH Tràng Định sang địa điểm mới.

- Hệ thống trường giáo dục cơ sở gồm Tiểu học và THCS tiếp tục được mở rộng. Giai đoạn đến 2030 duy trì số lượng 36 trường như hiện trạng. Giai đoạn 2030-2040 xây dựng một số trường Tiểu học và THCS tập trung tại các khu vực đô thị mới có sự gia tăng dân số nhanh, gồm thị trấn Thất Khê và đô thị Long Thịnh (xã Quốc Khánh). Bên cạnh đấy, tiếp tục tăng cường đầu tư và thu hút các nguồn vốn xã hội hóa để nâng cấp cơ sở vật chất tại các trường.

6.5. Công trình văn hóa – thể dục thể thao:

* Công trình văn hóa.

- Duy trì hệ thống và nâng cấp các công trình văn hóa hiện có.

- Xây dựng khu trung tâm văn hóa gắn với thể thao huyện tại thị trấn Thất Khê.

- Mở rộng, các công trình tôn giáo, di tích trên địa bàn huyện.

- Tôn tạo các công trình văn hóa, du lịch.

* Công trình thể dục thể thao

+ Bổ sung, xây mới công viên tại các khu vực đô thị gắn với cảnh quan thiên nhiên. Trong đó ở giai đoạn 2030 sẽ có một công viên ven sông Thất Khê được xây mới tại Thị trấn Thất Khê.

- Duy trì và nâng cấp hệ thống công trình thể dục thể thao cấp huyện và xã hiện có, nâng cao hiệu quả sử dụng công trình, phát huy phong trào thể dục thể thao tại địa phương

- Thị trấn Thất Khê: Trung tâm TDTT cấp huyện, bao gồm: Sân vận động và các thiết chế văn hóa tổng hợp đa chức năng: Sân thể thao cơ bản, nhà thi đấu, khu thể thao dưới nước; cung văn hóa, nhà thiếu nhi…

- Trung tâm VH-TDTT cấp xã: Cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao. Bổ sung quỹ đất thể dục thể thao tại các xã đang thiếu.

6.6. Hệ thống công trình an ninh, quốc phòng:

+ Xây dựng mạng lưới giao thông đường bộ phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế thời bình, đồng thời cơ động lực lượng, phương tiện khi có tình huống; các công trình xây dựng cơ bản cho dân dụng, dân sinh bảo đảm sức chống đỡ cao; các công trình dân dụng ưu tiên bố trí tầng hầm làm nơi trú ẩn khi có tình huống.

+ Xây dựng, cải tạo, mở mới hệ thống đường tuần tra, đường ra biên giới nhằm phục vụ Quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế xã hội và giao thương hàng hóa ở khu vực biên giới. Hình thành hệ thống mạng lưới giao thông đường tuần tra biên giới khép kín trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

7. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

7.1. Định hướng giao thông:

* Cao tốc, quốc lộ

Tuyến hiện trạng:

+ Quốc lộ 3B: Được cải tạo, nâng cấp toàn tuyến đạt tối thiểu cấp IV-MN, 2 làn xe. Đoạn từ Cửa khẩu Nà Nưa (Km0) đến thị trấn Thất Khê (Km25) cải tạo, nâng cấp III-MN, 2 làn xe.

+ Quốc lộ 4A: Đóng vai trò là trục hành lang vận tải hàng hóa kết nối tỉnh Lạng Sơn với các tỉnh miền núi. Đoạn tuyến qua khu vực có chiều dài khoảng 26,68km cải tạo nâng cấp toàn tuyến đạt quy mô cấp IV, 2 làn xe.

Giai đoạn đến 2030:

+ Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh: Xây dựng và khai thác đoạn Đồng Đăng - Trà Lĩnh. Đoạn tuyến đi qua huyện Tràng Định có chiều dài khoảng 27km, quy mô cao tốc 4 làn xe, có 1 lối ra vào cao tốc tại xã Đề Thám. Hướng tuyến: bám theo QL.4A, chi tiết theo dự án đầu tư đang thực hiện.

+ Xây dựng tuyến QL.3E (tuyến mới nâng lên từ ĐT.226): Trên địa bàn chuyển ĐT.226 từ ranh giới xã Hoa Thám, Bình Gia đến điểm giao QL.4A thị trấn Thất Khê), dài khoảng 15,27 km thành QL.3E, quy mô quy hoạch QL.3E đạt cấp IV, 2 làn xe.

Giai đoạn 2030 - 2040:

+ Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh: Khai thác và duy tu bảo dưỡng đoạn Đồng Đăng - Trà Lĩnh. Đoạn tuyến đi qua huyện Tràng Định nằm trên địa bàn các xã Chí Minh, Chi Lăng, Đề Thám, Hùng Sơn, Hùng Việt có chiều dài khoảng 27km, quy mô cao tốc 4 làn xe, có 1 lối ra vào cao tốc tại xã Đề Thám.

+ Quốc lộ 3B: Nâng cấp toàn tuyến lên cấp III-MN, 2 làn xe. Đoạn từ Cửa khẩu Nà Nưa (Km0) đến thị trấn Thất Khê (Km25) với quy mô III-MN, 2 làn xe được khai thác và duy tu bảo dưỡng.

+ Quốc lộ 4A: Đoạn tuyến qua khu vực có chiều dài khoảng 26,68km cải tạo nâng cấp toàn tuyến đạt quy mô cấp III-MN, 2 làn xe.

+ Xây dựng tuyến QL.3E: Nâng cấp toàn tuyến từ đoạn ranh giới xã Hoa Thám, Bình Gia đến điểm giao QL.4A lên quy mô đạt cấp III-MN, 2 làn xe

* Tỉnh lộ:

Giai đoạn đến 2030:

+ Đường tỉnh 228: Duy trì quy mô tối thiểu như hiện trạng đoạn tuyến dài khoảng 13km. Cải tạo, nâng cấp mặt đường BTXM thành mặt đường nhựa, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV-MN.

+ Đường tỉnh 229: Duy trì quy mô tối thiểu như hiện trạng đoạn tuyến dài khoảng 26,95 km. Cải tạo, nâng cấp tiêu chuẩn đường cấp V-MN lên cấp IV-MN.

Giai đoạn 2030 - 2040:

+ Đường tỉnh 228: Duy trì, bảo dưỡng tuyến đường như hiện tại với quy mô đường cấp IV-MN

+ Đường tỉnh 229: Nâng cấp, cải tạo đoạn tuyến dài khoảng 26,95 km đạt tiêu chuẩn đường cấp IV-MN

Đường bộ nội huyện:

Giai đoạn đến 2030:

- Huyện lộ:

+ Các tuyến đường huyện lộ trên địa bàn được đầu tư cải tạo, nâng cấp đường huyện cơ bản đạt cấp IV-V.MN, phát triển, nâng cao chất lượng giao thông.

- Đường liên xã, giao thông nông thôn:

+ Nâng cấp, cải tạo toàn bộ mạng lưới đường liên xã, đường xã hiện có phấn đấu cứng hóa 100% chất lượng tốt, đảm bảo lưu thông thuận tiện bốn mùa.

Giai đoạn 2030 - 2040:

- Huyện lộ:

+ Các tuyến Đường huyện ĐH.01, ĐH.09 duy trì quy mô tối thiểu như hiện trạng, cải tạo nâng cấp toàn tuyến đạt quy mô cấp IV-MN, 2 làn xe.

+ Các tuyến Đường huyện ĐH.01B, ĐH.02, ĐH.02B, ĐH.05, ĐH.07 duy trì quy mô tối thiểu như hiện trạng. Duy tu, cải tạo phần mặt đường BTXM và nâng cấp các đoạn đường đất lên mặt đường BTXM đạt quy mô cấp V-MN.

+ Các tuyến Đường huyện ĐH.03, ĐH.04, ĐH.06, ĐH.09A duy trì quy mô tối thiểu như hiện trạng, cải tạo nâng cấp toàn tuyến đạt quy mô cấp V-MN.

+ Đường huyện ĐH.08: Xây dựng mới đoạn từ Trung tâm xã Cao Minh kết nối với QL.3B có chiều dài khoảng 0,6km, nâng cấp cải tạo toàn tuyến đạt quy mô cấp V-MN

- Đường liên xã, giao thông nông thôn:

+ Các tuyến đường liên xã cải tạo nâng cấp toàn tuyến đạt quy mô cấp VI-MN

+ Xây mới tuyến đường liên xã LX.01 điểm đầu giao với đường huyện ĐH.02 điểm cuối giao với đường huyện ĐH.09 quy mô cấp V-MN

+ Xây mới tuyến đường liên xã LX.02 điểm đầu giao với đường huyện ĐH.01B điểm cuối giao với đường huyện ĐH.06 quy mô cấp V-MN

+ Xây mới tuyến đường liên xã LX.05 điểm đầu giao với đường huyện QL3B điểm cuối giao với đường liên xã LX.07 quy mô cấp V-MN

+ Xây dựng tuyến đường liên xã LX.08 tạo kết nối vành đai nối 2 xã Đề Thám và Hùng Sơn. Điểm đầu từ đường huyện ĐH.09A điểm cuối giao với đường huyện QL.3E quy mô cấp V-MN

+ Xây mới tuyến đường liên xã LX.09 điểm đầu giao với đường quốc lộ QL.3B chạy dọc theo quốc lộ 3B điểm cuối giao với đường huyện ĐH.05 quy mô cấp V-MN

+ Xây mới tuyến đường liên xã LX.10 điểm đầu giao với đường quốc lộ QL.4A điểm cuối giao với đường huyện ĐH.09 quy mô cấp V-MN

+ Xây mới tuyến đường liên xã LX.11 điểm đầu giao với đường huyện ĐH.01 điểm cuối giao với đường huyện ĐH.09 quy mô cấp V-MN

+ Xây mới tuyến đường liên xã LX.12 điểm đầu giao với đường huyện ĐH.09A điểm cuối giao với đường quốc lộ QL.4A quy mô cấp V-MN

* Đường hành lang biên giới:

Giai đoạn đến 2030:

+ Xây dựng tuyến đường hành lang biên giới nối liền Cửa khẩu Nà Nưa – Cửa khẩu Bình Nghi đi qua 4 xã gồm: Quốc Khánh, Đội Cấn, Tân Minh, Đào Viên. Cải tạo nâng cấp toàn tuyến đạt quy mô cấp V-MN.

Giai đoạn 2030 - 2040:

+ Duy tu, bảo dưỡng tuyến đường hành lang biên giới đảm bảo giao thông thuận tiện bốn mùa.

* Giao thông đô thị, khu công nghiệp.

Hệ thống giao thông đô thị được xác định trong quy hoạch chung xây dựng đô thị, KCN… Trong nội dung quy hoạch vùng không nghiên cứu chi tiết nội dung này, tuy nhiên nhằm đạt tính thống nhất và phát triển bền vững cần đảm bảo yêu cầu sau:

- Chuẩn hệ thống các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của mạng lưới đường: Hiện nay không có sự thống nhất trong việc thiết kế bề rộng đường;

- Thống nhất và hoàn chỉnh yêu cầu về nội dung thiết kế giao thông trong các đô thị, KCN, khu du lịch;

- Nhằm đảm bảo khai thác hiệu quả hệ thống giao thông chính của tỉnh, quốc gia qua tỉnh đề nghị các quy hoạch đô thị, KCN… có giải pháp triệt để về đảm bảo hành lang giao thông trong giai đoạn trước mắt và tương lai, kiểm soát chặt chẽ giao cắt và tách nhập theo đúng yêu cầu cấp hạng của các tuyến giao thông chính. Tránh việc phố hóa các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, tránh việc điều chỉnh nắn tuyến trong tương lai.

* Định hướng quy hoạch bến, bãi đỗ xe

- Quy hoạch bến xe:

+ Các bến xe ô tô hàng hóa hiện trạng gồm: Bến xe ô tô hàng hóa XNK cửa khẩu Bình Nghi tại thôn Pác Lạn, xã Đào Viên; bến xe hàng, địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu Bình Nghi tại thôn Nà Măn, xã Đào Viên; bến xe ô tô hàng hóa xuất khẩu Nà Nưa tại thôn Nà Nưa, xã Quốc Khánh được nâng cấp cải tạo đạt tiêu chuẩn.

Giai đoạn đến 2030:

+ Dự kiến làm mới 01 bến xe khách và 02 bến xe hàng hóa trong giai đoạn đầu.

Giai đoạn 2030 - 2040:

+ Tập trung cải tạo, nâng cấp duy trì hoạt động các bến xe đã có.

- Quy hoạch bãi đỗ xe:

+ Phấn đấu mỗi xã, thị trấn có ít nhất 01 bãi đỗ xe phục vụ nhu cầu công cộng trong các khu đô thị, khu nhà ở dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, các khu vực có nhu cầu vận chuyển lớn, trung tâm thương mại, dịch vụ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí cần bố trí bãi đỗ xe. Diện tích bãi đỗ xe được tính toán tối thiểu là 2,5m2/người. Vị trí được xác định ở các quy hoạch cấp xã.

* Quy hoạch hệ thống giao thông công cộng

- Với xu thế phát triển kinh tế hiện nay trong huyện, việc đi lại của người dân trong huyện ngày càng gia tăng, việc tăng cường và nâng cao chất lượng các tuyến vận tải trong huyện, liên huyện trong tỉnh bảo đảm giao thông vận tải hành khách được thuận lợi và thông suốt, qua đó tạo dựng mối liên kết của hệ thống giao thông góp phần phát triển kinh tế vùng, làm thay đổi diện mạo các đô thị

- Duy trì tuyến vận tải hành khách công cộng hiện có, cần nâng cao chất lượng phục vụ và tần suất chuyển cũng như chất lượng xe bus.

- Mở mới tuyến đi qua các khu công nghiệp mới mở đáp ứng nhu cầu trong tương lai.

7.2. Định hướng cấp nước:

* Nguồn nước:

- Ưu tiên khai thác từ nguồn nước mặt có chất lượng và trữ lượng ổn định, đảm bảo an ninh nguồn nước. Nguồn nước mặt từ hệ thống sông, suối, hồ là nguồn cấp nước phục vụ sinh hoạt và hoạt động sản xuất công nghiệp, du lịch lâu dài của huyện.

- Nước ngầm là nguồn dự phòng.

* Dự báo tổng nhu cầu sử dụng nước trên toàn huyện:

- Giai đoạn quy hoạch đến năm 2030 khoảng 12.410 m3/ngày.đêm

- Giai đoạn quy hoạch năm 2030 đến năm 2040 khoảng 18.863 m3/ngày.đêm;

* Quy hoạch công trình đầu mối cấp nước:

Thực hiện nghiên cứu đầu tư và xây dựng các công trình cấp nước gắn với định hướng phát triển khu đô thị, khu nông thôn tập trung dân cư và các khu chức năng mới. Ưu tiên các công trình cấp nước sạch theo định hướng quy hoạch Tỉnh Lạng Sơn;

- Cấp nước đô thị:

+ Xây dựng nhà máy nước Thất Khê khai thác nguồn nước mặt sông Bắc Khê, có vị trí, quy mô theo định hướng QHC thị trấn Thất Khê đã được phê duyệt. Công suất nhà máy nước dự kiến: Giai đoạn năm 2030 là 4.000 m3/ngày.đêm; Giai đoạn năm 2040 là 7.500 m3/ngày.đêm.

+ Xây dựng nhà máy nước Long Thịnh khai thác nguồn nước mặt hồ Kỳ Nà, phục vụ cho khu đô thị mới Long Thịnh và khu vực phát triển du lịch văn hóa cộng đồng xã Quốc Khánh. Công suất nhà máy nước dự kiến: Giai đoạn năm 2030 là 850 m3/ngày.đêm; Giai đoạn năm 2040 là 1.300 m3/ngày.đêm.

+ Xây dựng nhà máy nước Áng Mò khai thác nguồn nước mặt sông Bắc Khê. Công suất nhà máy nước dự kiến: Giai đoạn năm 2030 là 400 m3/ngày.đêm; Giai đoạn năm 2040 là 650 m3/ngày.đêm.

+ Xây dựng nhà máy nước Bình Độ khai thác nguồn nước mặt sông Kỳ Cùng, phục vụ cho khu đô thị mới Bình Độ và khu vực phát triển du lịch văn hóa cộng đồng xã Quốc Việt. Công suất nhà máy nước dự kiến: Giai đoạn năm 2030 là 450 m3/ngày.đêm; Giai đoạn năm 2040 là 700 m3/ngày.đêm.

- Cấp nước nông thôn: Cải tạo và xây mới các trạm cấp nước sạch nông thôn cấp nước theo từng xã hoặc từng điểm, cụm điểm dân cư nông thôn:

+ Các công trình cấp nước tập trung nông thôn công suất từ 100m3/ngày đêm trở lên yêu cầu các hạng mục công trình thu, xử lý, trữ nước, phân phối nước sạch đến người dân được quản lý, vận hành, bảo dưỡng theo quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Công trình cấp nước tập trung quy mô nhỏ phục vụ một nhóm 30 đến 50 hộ gia đình chủ yêu là công trình máng lần cải tiến khai thác các mó nước hoặc các mạch nước lộ thiên, có đường ống tự chảy;

+ Công trình cấp nước hộ gia đình gồm giếng đào và giếng khoan đường kính nhỏ khai thác nước mạch nông; Bể hoặc lu chứa nước mưa với thể tích từ 2m3 đến 5m3.

- Cấp nước công nghiệp: Các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xây dựng công trình cấp nước riêng, khai thác nguồn nước tại chỗ. Chất lượng nước cấp sau xử lý phù hợp với yêu cầu công nghiệp và phải xét đến ảnh hưởng của chất lượng nước đối với sản phẩm:

+ Xây dựng nhà máy nước CCN số 1, xã Kháng Chiến khai thác nguồn nước mặt sông Kỳ Cùng. Công suất nhà máy nước dự kiến: Giai đoạn năm 2030 là 1.400 m3/ngày.đêm; Giai đoạn năm 2040 là 2.100 m3/ngày.đêm.

+ Xây dựng nhà máy nước CCN số 2, xã Đề Thám khai thác nguồn nước mặt hồ Thâm Luông. Công suất nhà máy nước dự kiến: Giai đoạn năm 2030 là 650 m3/ngày.đêm; Giai đoạn năm 2040 là 1.250 m3/ngày.đêm.

+ Xây dựng nhà máy nước CCN số 3, xã Tân Tiến khai thác nguồn nước mặt sông Bắc Khê. Công suất nhà máy nước dự kiến: Giai đoạn năm 2030 là 400 m3/ngày.đêm; Giai đoạn năm 2040 là 1.050 m3/ngày.đêm.

+ Xây dựng nhà máy nước CCN số 4, xã Chí Minh khai thác nguồn nước mặt suối Khuổi Cạo. Công suất nhà máy nước dự kiến: Giai đoạn năm 2030 là 450 m3/ngày.đêm; Giai đoạn năm 2040 là 650 m3/ngày.đêm.

+ Xây dựng nhà máy nước CCN số 5, xã Quốc Việt khai thác nguồn nước mặt sông Kỳ Cùng. Công suất nhà máy nước dự kiến: Giai đoạn năm 2030 là 650 m3/ngày.đêm; Giai đoạn năm 2040 là 1.250 m3/ngày.đêm.

+ Xây dựng nhà máy nước CCN số 6, xã Quốc Khánh khai thác nguồn nước mặt hồ Hua Khao. Công suất nhà máy nước dự kiến: Giai đoạn năm 2030 là 450 m3/ngày.đêm; Giai đoạn năm 2040 là 550 m3/ngày.đêm.

+ Xây dựng nhà máy nước Cụm tiểu thủ công nghiệp, xã Tân Yên khai thác nguồn nước mặt hồ Nà Luông. Công suất nhà máy nước dự kiến: Giai đoạn năm 2040 là 550 m3/ngày.đêm.

* Định hướng mạng lưới đường ống cấp nước:

+ Mạng lưới cấp nước sinh hoạt và sản xuất: Xây dựng hệ thống mạng lưới đường ống đồng bộ, đảm bảo áp lực cấp nước và có khả năng mở rộng trong tương lai. Đầu tư, hiện đại hóa hệ thống bơm đầu nguồn, hệ thống công nghệ xử lý nước và bơm cung cấp nước sạch. Các khu vực nông thôn tập trung dân cư quy mô nhỏ khai thác các mạch nước lộ thiên sử dụng mô hình đường ống dẫn nước tự chảy;

+ Mạng lưới cấp nước chữa cháy: Nguồn cho cấp nước chữa cháy được lấy từ 02 nguồn là kết hợp với cấp nước sinh hoạt đô thị, khu sản xuất và lấy từ nguồn nước mặt sông, ao, hồ tại địa phương.

* Bảo vệ nguồn nước:

+ Nguồn nước mặt phải được bảo vệ khỏi các hoạt động dân sinh, hoạt động sản xuất, đặc biệt từ chất thải, nước thải (các khu chăn nuôi tập trung, các cụm công nghiệp, hóa chất từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp).

+ Khu vực bảo vệ nguồn nước: Xung quanh điểm lấy nước cấp cho nhà máy cấp nước phải duy trì khu vực bảo vệ vệ sinh môi trường từ 100 - 200m, trong khu vực này không được xây dựng các công trình gây ô nhiễm.

7.3. Hệ thống thoát nước thải, rác thải và vệ sinh môi trường:

* Thoát nước thải:

Tổng lượng nước thải phát sinh của huyện đến năm 2030: 11.078 m3/ngày/đêm.

Tổng lượng nước thải phát sinh của huyện đến năm 2040: 17.230

m3/ngày/đêm.

* Giải pháp quy hoạch nước thải sinh hoạt:

Khu vực đô thị:

- Các đô thị phát triển mới, chưa có hệ thống thoát nước riêng, sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Các khu vực đã lập dự án, hệ thống thu gom và xử lý nước thải được thực hiện theo dự án riêng.

- Khu vực đô thị hiện hữu: Hệ thống thoát nước chung được nâng cấp cải tạo, nạo vét, xây dựng cống bao và ga tách nước thải đưa về các trạm xử lý nước thải để xử lý tập trung.

- Hệ thống trạm xử lý nước thải được xây dựng phân tán. Mỗi đô thị sẽ bố trí từ 1 hay nhiều trạm xử lý tùy vào nhu cầu phát triển từng đô thị.

- Xây dựng các tuyến cống tròn thoát nước thải tự chảy đặt dọc theo các trục đường giao thông để thu gom vận chuyển nước thải sinh hoạt.

- Nước thải sau khi xử lý đảm bảo theo QCVN 14: 2008/BTNMT trước khi xả vào hệ thống nguồn tiếp nhận. Trạm xử lý nước thải sử dụng các công nghệ sinh học tiên tiến để giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh.

Đối với khu dân cư nông thôn, làng xóm hiện hữu:

- Các cụm dân cư tập trung, xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải xử lý bằng các trạm xử lý cục bộ hoặc qua bể tự hoại sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung. Trước các điểm xả ra nguồn, xây dựng cống bao thu nước thải đưa ra ngoài phạm vi làng xóm, tận dụng hệ thống kênh, mương nội đồng; ao, hồ sẵn có ngoài đồng để xử lý sinh học trong điều kiện tự nhiên. Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp.

- Đối với các khu vực sống phân tán, khu dân cư có mật độ thấp và trung bình, rải rác kiểu nhà vườn, như khu làng bản không có điều kiện xây dựng công trình xử lý. Vận động người dân xây dựng nhà vệ sinh hình thức tự thấm, dội nước và hệ thống tiêu thoát phù hợp với điều kiện sống nhưng đảm bảo vệ sinh môi trường.

* Giải pháp quy hoạch nước thải công nghiệp:

- Toàn bộ nước thải của các khu, cụm công nghiệp bao gồm các cụm lớn và các khu công nghiệp nhỏ đều phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng hoàn toàn. Nước thải xử lý cục bộ tại từng khu, cụm công nghiệp trước khi đổ ra môi trường.

- Tổng lượng nước thải công nghiệp đến năm 2030: 3.817 m3/ngày/đêm.

- Tổng lượng nước thải công nghiệp đến năm 2040: 7.695 m3/ngày/đêm.

- Định hướng đến năm 2030, hình thành và phát triển 6 cụm công nghiệp trên địa bàn huyện. Quy hoạch mỗi cụm công nghiệp là một hệ thống thoát nước

và xử lý nước thải riêng.

- Đến năm 2040, tăng quy mô của các cụm công nghiệp hiện trạng và hình thành mới cụm tiểu thủ công nghiệp số 7.

- Chất lượng nước thải công nghiệp sau khi xử lý phải đạt giá trị C, cột A của QCVN: 40:2011/BTNMT trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước.

* Giải pháp quy hoạch nước thải y tế:

Đối với bệnh viện lớn của huyện, các trung tâm y tế cấp xã cần được xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng hoàn toàn.

* Giải pháp quy hoạch nước thải khu dịch vụ - du lịch:

- Khu du lịch có yêu cầu vệ sinh môi trường cao, mật độ xây dựng thấp, phân tán. Do đó, ưu tiên xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình bằng các loại bể tiên tiến như bể tự hoại cải tiến (BASTAF-F), bể lọc kỵ khí với lớp vật liệu nổi, bể lọc ngược qua tầng bùn kỵ khí (UASB) hoặc các loại công trình xử lý sinh học kiểu hợp khối theo công nghệ hiện đại (JRY) có hiệu suất sử dụng cao, tốn ít diện tích đất xây dựng. Nước thải sau các bể này sẽ được xử lý triệt để bằng hệ thống hào lọc hoặc tận dụng lại để tưới cây, rửa đường…

* Quản lý chất thải rắn:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

- Lượng CTR sinh hoạt đến năm 2030 của huyện là: 34,59 tấn/ngày.

- Lượng CTR sinh hoạt đến năm 2040 của huyện là: 47,88 tấn/ngày.

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp:

- Lượng CTR công nghiệp đến năm 2030 của huyện là: 71,15 tấn/ha/ngày.

- Lượng CTR công nghiệp đến năm 2040 của huyện là: 95,63 tấn/ha/ngày.

* Quy hoạch các trạm trung chuyển CTR và khu xử lý CTR của huyện:

Quy hoạch các trạm trung chuyển CTR:

- Toàn huyện bố trí 5 trạm trung chuyển CTR cố định, thu gom vận chuyển về khu xử lý tập trung của huyện.

Quy hoạch khu xử lý CTR tập trung:

- Theo định hướng của Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn, đầu tư nâng cấp bãi rác hiện trạng tại thôn Khuổi Khìn, xã Trung Thành thành Khu xử lý CTR với diện tích 6,1ha, thu gom và xử lý toàn bộ CTR của các xã, thị trấn thuộc huyện.

* Quản lý nghĩa trang:

- Đầu tư quy hoạch nghĩa trang nhân dân tại thị trấn Thất Khê *(Theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thất Khê)*.

- Nghĩa trang hiện hữu nằm trong khu vực phát triển đô thị không còn diện tích sử dụng phải tiến hành đóng cửa. Quá trình đóng cửa phải thực hiện đầy đủ

các nội dung nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng.

7.4. Định hướng cung cấp năng lượng vùng:

Chỉ tiêu, nhu cầu cấp điện:

- Tổng nhu cầu cấp điện của dự án đến năm 2030 khoảng: 91.220,02 KW.

- Tổng nhu cầu cấp điện của dự án đến năm 2040 khoảng: 130.356,41 KW.

* Nguồn điện:

- Nguồn điện cấp cho huyện Tràng Định vẫn tiếp tục sử dụng nguồn điện được cấp từ trạm Tràng Định với công suất 1x40MVA giai đoạn năm 2026-2030 được nâng cấp thành 2x40MVA

- Thủy điện Thác Xăng (Bắc Giang 2 quy mô công suất 20MW.

- Nhà máy thuỷ điện Bắc Khê 1 công suất 2,4MW gồm 02 tổ máy.

- Dự án xây mới Nhà máy Thủy điện Tràng Định 2, xã Đào Viên được xây dựng trên dòng sông Kỳ Cùng gồm 2 tổ máy với tổng công suất lắp đặt 29,8 MW.

- Xây dựng trạm điện gió Tràng Định có công xuất 48MVA đấu nối điện áp 110kV với Thủy điện Thác Xăng.

* Định hướng phát triển mạng lưới điện:

- Định hướng chung:

+ Xây dựng mới đoạn tuyến 220KV nằm trên địa bàn các xã Chí Minh, Tri Phương, Đại Đồng, Hùng Sơn, Hùng Việt thuộc tuyến 220KV liên kết mạch vòng từ 220KV Lạng Sơn – Cao Bằng được xây dựng mới theo quy hoạch tỉnh Lạng Sơn.

+ Giữ nguyên tuyến 110KV hiện trạng mạch đơn từ TĐ Thác Xăng – TĐ Hòa Thuận đoạn qua khu vực nghiên cứu

+ Xây dựng mới tuyến 110KV mạch đơn kết nối từ ĐG Tràng Định đến TĐ Thác Xăng.

+ Xây dựng mới tuyến 110KV mạch đơn kết nối từ TBA 220KV huyện Văn Lãng đến TBA 110KV Tràng Định.

+ Xây dựng mới tuyến 110KV mạch vòng kết nối từ TĐ Tràng Định 2 đấu nối vào đường dây 110KV TBA 220KV huyện Văn Lãng - TBA 110KV Tràng Định.

+ Ngoài lưới ra 220kV, 110 kV cần đảm bảo hành lang an toàn lưới điện.

Định hướng cấp điện đô thị và công nghiệp

- Lưới trung áp:

+ Lưới điện 35kV được quy hoạch bố trí hạ ngầm trong ống luồn cáp hoặc hào kỹ thuật trên vỉa hè dọc các tuyến đường giao thông theo quy hoạch, hình thành mạch vòng cấp điện cho các dự án trong khu vực, các tuyến rẽ nhánh đến trạm biến áp phân phối 35/0,4KV.

+ Loại các tuyến điện 10kV hiện trạng trong khu vực không còn phù hợp với quy hoạch để thực hiện theo định hướng quy hoạch.

+ Kết cấu lưới trung áp 35kV trong từng khu phải tuân thủ nguyên tắc xây dựng dạng mạch vòng kín vận hành hở. Trong chế độ làm việc bình thường, khả năng tải không vượt quá 80% công suất để đảm bảo độ dự phòng vận hành. Phía ngoại thị liên quan đến các công trình đầu mối khu vực có thể thiết kế dạng hình tia cùng các máy cắt phân đoạn và recloser đóng lặp lại.

+ Hệ thống cáp điện 35kV được chôn ngầm đất ở độ sâu 0.8 - 1m, ở những chỗ qua đường cáp phải được luồn trong ống thép để chống tác động cơ học.

- Trạm biến áp:

+ Xây dựng các trạm 110kV riêng cho các khu công nghiệp có diện tích lớn

+ Bố trí các trạm biến áp tập trung 35/0,4KV (các trạm có thể bố trí nhiều máy để phù hợp với nhu cầu từng giai đoạn, đối với công trình hỗn hợp, công cộng đô thị cao tầng, công trình thương mại dịch vụ tập trung sẽ được tính toán và bố trí theo dự án), các trạm được đặt tại lô đất cây xanh tập trung giữa các nhóm nhà, trung tâm phụ tải dùng điện, đảm bảo bán kính phục vụ của lưới điện hạ thế < 300m.

+ Trạm biến áp 35KV xây mới có hình thức dùng loại TBA hợp bộ trụ thép hoặc trạm kios được thiết kế đảm bảo phù hợp mỹ quan từng khu vực. Các trạm cho nhà cao tầng sẽ đặt vào tầng hầm toà nhà, dùng máy biến áp khô, có máy phát điện dự phòng qua tủ ATS

- Điện hạ thế và chiếu sáng:

+ Được đi ngầm trên hè dọc các tuyến đường, các lộ hạ thế từ trạm biến áp xây dựng mới; đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led tiết kiệm năng lượng, các khu vui chơi, công viên bố trí thêm hệ thống chiếu sáng trạng trí.

Định hướng cấp điện nông thôn

- Lưới trung áp:

+ Lưới điện 35kV được quy hoạch đi nổi trên hệ thống cột điện đảm bảo đưa điện đến các khu vực vùng sâu, vùng xa, các tuyến rẽ nhánh đến trạm biến áp phân phối 35/0,4KV.

+ Loại các tuyến điện 10kV hiện trạng trong khu vực không còn phù hợp với quy hoạch để thực hiện theo định hướng quy hoạch.

+ Kết cấu lưới trung áp 35kV trong từng khu phải tuân thủ nguyên tắc xây dựng dạng mạch vòng kín vận hành hở. Trong chế độ làm việc bình thường, khả năng tải không vượt quá 60% công suất để đảm bảo độ dự phòng vận hành. Phía ngoại thị liên quan đến các công trình đầu mối khu vực có thể thiết kế dạng hình tia cùng các máy cắt phân đoạn và recloser đóng lặp lại.

- Trạm biến áp:

+ Bố trí các trạm biến áp 35/0,4KV riêng lẻ tại các thôn xã, tối thiểu 1 xã phải có 1 trạm biến áp (các trạm có thể bố trí nhiều máy để phù hợp với nhu cầu từng giai đoạn).

+ Trạm biến áp 35KV xây mới có hình thức dùng loại TBA treo hoặc trạm kios được thiết kế đặt gần trung tâm của phụ tải điện, hoặc ở gần phụ tải điện lớn nhất, tại vị trí thuận tiện cho việc đặt đường dây, ít cắt đường giao thông và không gây cản trở cho sinh hoạt và sản xuất.

- Điện hạ thế và chiếu sáng:

+ Điện hạ thế được bố trí đi nổi trên cột chạy dọc các tuyến đường giao tông, các lộ hạ thế từ trạm biến áp xây dựng mới.

+ Đèn chiếu sáng sử dụng đèn Led tiết kiệm năng lượng, ưu tiên sử dụng hệ thống đèn tích hợp năng lượng mặt trời. Đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 90% đường được chiếu sáng

7.5. Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động:

* Phương án phát triển chung:

- Mạng thông tin khu vực nghiên cứu trong giai đoạn tới sẽ được tổ chức thành các hệ thống riêng trên cơ sở hệ thống hiện có.

- Ưu tiên phát triển và củng cố các điểm viễn thông công cộng có người phục vụ được đặt tại các đại lý viễn thông, các điểm giao dịch của trung tâm viễn thông của các công ty viễn thông và tại các điểm Bưu điện đảm bảo phủ 100% địa bàn huyện Tràng Định.

- Triển khai cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông, cáp truyền hình tại khu vực thị trấn Thất Khê (buộc gọn hệ thống dây cáp; Loại bỏ các sợi cáp, cáp không còn sử dụng.

- Đẩy mạnh phát triển, mở rộng mạng lưới và các dịch vụ bưu chính trên nền tảng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để Bưu chính đóng góp, tham gia cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử tại Lạng Sơn, như: Bưu chính thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, chuyển trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích; Thực hiện chức năng tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC, hướng dẫn người dân trong việc đăng ký trực tuyến đối với dịch vụ hành chính công mức 3, 4 tại Bộ phận một cửa và hỗ trợ tại các Bưu cựu cấp huyện và tại các Bưu điện văn hóa cấp xã/thôn.

- Triển khai phát triển hạ tầng phát thanh truyền hình đồng bộ, hội tụ với hạ tầng viễn thông.

- Triển khai ngầm hóa hạ tầng truyền hình hữu tuyến (truyền hình cáp, truyền hình Internet…) cùng với việc ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi.

- Mạng điện thoại:

Các điểm chuyển mạch như đánh giá phần hiện trạng sẽ dần được thay thế bằng các thiết bị truy nhập đa dịch vụ băng rộng và thiết bị cổng đa phương tiện

với dung lượng từ 2.000lines đến 10.000 lines. Đồng thời xây dựng mới các điểm truy nhập thuê bao tại các điểm tập trung dân cư với dung lượng từ 1.000 lines đến 2.000 lines.

- Cột Anten:

+ Xây dựng thêm các cột ăng ten.

+ Cải tạo các cột Anten loại A2a sang A1 tại khu vực cần mỹ quan, khu vực tập trung dân cư, khu vực có mật độ trạm phát sóng dày.

- Mạng truyền hình:

Mạng truyền hình đảm nhận cung cấp dịch vụ truyền hình (gồm cả miễn phí và có phí) cho cộng đồng sống và làm việc tại khu vực nghiên cứu.

- Chuyển mạch:

Trạm vệ tinh Tràng Định nâng thành 20.000 Lines vào năm 2040 và 35.000 Lines vào năm 2050.

- Mạng truyền dẫn:

+ Giai đoạn đến năm 2040: Tăng dung lượng các tuyến cáp quang hiện có để tăng dung lượng truyền dẫn liên tỉnh từ 10 đến 20Gbps, tuyến cáp quang nội hạt dung lượng từ 155 hoặc 622 Mbps và xây dựng mới các tuyến cáp quang đến tất cả các xã để đáp ứng các nhu cầu ứng dụng CNTT, các dịch vụ băng rộng.

+ Tầm nhìn đến 2050: cáp quang hóa toàn, tiếp tục nâng cấp dung lượng mạng cáp quang, nâng tốc độ truyền dẫn lên STM - 4 (622 Mbps) và STM-16 (2,5 Gbps), tăng số lượng cores cáp quang, hoàn thành các tuyến cáp quang đến trung tâm các xã, đảm bảo 100% số xã có mạng cáp quang đến trung tâm xã, tăng số lượng các mạch vòng kín ở những khu vực cho phép, nhằm giảm thiểu các sự cố rủi ro trong quá trình truyền dẫn.

- Mạng ngoại vi:

+ Mạng ngoại vi của khu vực nghiên cứu gồm các hệ thống cống, bể cáp và hầm cáp chạy trên vỉa hè đường, cột treo cáp. Hệ thống này cần được được hạ ngầm trên các trục đường chính, mương dẫn cáp sử dụng kiểu 3 ống/3 lớp và 3 ống/2 lớp. nắp bể cáp sử dụng loại nắp gang tròn hoặc nắp đan bê-tông.

+ Cột treo cáp được dựng tại khu vực có địa hình khó khăn, khu vực đường liên xa liên thôn xây dựng mới. Khu vực hệ thống cột điện lực không đủ điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông dùng chung hạ tầng.

+ Hệ thống cáp thông tin cần hạ ngầm tại các khu trung tâm hành chính huyện, khu công nghiệp, khu đô thị - dân cư mới.

- Mạng truy nhập Internet

+ Giai đoạn đầu: Phát triển chủ yếu theo hướng truy nhập Internet qua mạng hữu tuyến.

+ Tầm nhìn đến 2050: Phát triển chủ yếu theo công nghệ NGN và công nghệ kết nối vô tuyến băng thông rộng Wimax với tốc độ truyền dữ liệu cao.

* Định hướng phát triển mạng lưới thông tin liên lạc đô thị và công nghiệp

- Quy hoạch các hộp cáp tổng trong khu vực quy hoạch, lấy tín hiệu thông tin từ đường dây thông tin quy hoạch chung. Từ hộp cáp tổng các tuyến cáp thông tin được dẫn đến các tủ cáp tổng đặt trong các khu vực chức năng trong khu vực quy hoạch và cấp đến từng đối tượng sử dụng thông tin.

- Mạng lưới hạ tầng thông tin liên lạc (Cống chờ cáp, hố ga, bể cáp, ganivo…) bố trí đi ngầm.

- Các tuyến đường chính được bố trí cáp trung kế, các tuyến đường nội bộ bố trí cáp dịch vụ.

- Xây dựng các trạm BTS có thể kết hợp giả cây để phù hợp với mỹ quan đô thị.

* Định hướng phát triển mạng lưới thông tin liên lạc nông thôn

- Quy hoạch các hộp cáp tổng trong khu vực quy hoạch, lấy tín hiệu thông tin từ đường dây thông tin quy hoạch chung. Từ hộp cáp tổng các tuyến cáp thông tin được dẫn đến các tủ cáp tổng đặt trong các khu vực trong khu vực quy hoạch và cấp đến từng đối tượng sử dụng thông tin.

- Hệ thống đường cáp thông tin được đi nổi trên hệ thống cột.

- Xây dựng các trạm BTS.

- Xây dựng điểm phục vụ bưu chính với tiêu chí 1điểm/xã.

8. Đánh giá môi trường chiến lược

** Các giải pháp chính về bảo vệ môi trường:*

- Đối với các đô thị đồng bằng: Xây dựng hệ thống kè đê sông kết hợp với vành đai xanh phòng hộ ven sông.

- Đối với các đô thị vùng đồi núi: Xây dựng các hồ, đập chứa nước thoát từ trên núi xuống tránh gây úng ngập đô thị. Lượng nước này có thể phục vụ cho mục đích phát triển nuôi trồng thủy sản và tưới tiêu nông nghiệp hoặc cho du lịch.

- Ngoài ra quy hoạch tổng thể cần quan tâm đến xây dựng các khu vực rừng trồng mới gần các đô thị vừa tạo công ăn việc làm cho người dân vừa góp phần giảm nạn chặt phá rừng và hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu.

* Các giải pháp kỹ thuật chủ yếu đối với từng phân vùng:

- Khu vực xanh ven sông, suối:

+ Giữ gìn và bảo vệ giá trị cảnh quan tự nhiên, tăng cường diện tích cây xanh, duy trì đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng nước.

+ Tuỳ thuộc vào tình hình cụ thể của từng khu xây dựng để chọn giải pháp: Kè sông, đắp đê sông, gia cố bờ suối, hồ chứa tổng hợp (cắt lũ, tưới, cảnh quan), công trình tránh lũ, đường vượt lũ.

- Khu vực phát triển đô thị, khu vực phát triển các cơ sở thương mại dịch vụ du lịch văn hóa cộng đồng địa phương:

+ Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn;

+ Duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ điều hòa;

+ Lựa chọn cao độ xây dựng khống chế phải trên cơ sở khoa học, phù hợp với đặc điểm điều kiện tự nhiên của từng đô thị. Có hệ thống thoát nước mặt hoàn chỉnh và phải đảm bảo thoát hết nước mặt trên toàn lưu vực ra các trục tiêu.

+ Xây dựng đồng bộ hệ thống các công trình phòng chống thiên tai, xây dựng hệ thống thông tin tìm kiếm cứu nạn đồng bộ cả về kỹ thuật và nguồn nhân lực, bảo đảm an toàn cao nhất cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Khu vực cụm công nghiệp, TTCN, kho tàng:

+ Bắt buộc các cụm công nghiệp đều phải có trạm xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường; quan trắc chặt chẽ biến động môi trường đảm bảo xử lý môi trường đúng quy định hiện hành.

+ CTR công nghiệp được thu gom và xử lý riêng;

+ Thực hiện định kỳ chương trình giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh cụm công nghiệp nhằm đảm bảo các hoạt động sản xuất không làm ảnh hưởng đáng kể đến môi trường không khí trong và ngoài khu vực.

+ Khuyến khích và bắt buộc các nhà máy và xí nghiệp đầu tư công nghệ sản xuất mới, áp dụng công nghệ tiên tiến sản xuất sạch hơn.

- Khu vực nông thôn:

+ Đầu tư hệ thống thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt;

+ Với nước thải khu vực nông thôn khuyến khích các hộ dân sử dụng hố xí tự hoại và hố xí hợp vệ sinh;

- Khu vực trang trại chăn nuôi

+ Quy hoạch các khu chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung;

+ Áp dụng các quy trình sản xuất công nghệ cao, sạch trong sản xuất nông nghiệp; thu gom xử lý các chất thải, xử lý nước thải trước khi xả ra môi trường;

- Khu vực rừng:

+ Có biện pháp chăm sóc hợp lý, xây dựng các công trình phù hợp, hạn chế tối đa tác động tiêu cực tới các loài sinh vật, chú trọng công tác bảo tồn và phát triển sinh thái.

+ Phòng chống chặt phá rừng đầu nguồn, cháy rừng, tăng cường kiểm lâm và nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ rừng và môi trường.

* Các giải pháp về quản lý:

Tăng cường công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức của cán bộ và của người dân về các phương án giảm nhẹ thiên tai, tăng cường năng lực quản lý tổng

hợp vùng bờ một cách có hiệu quả. Làm cho cả xã hội nhận thức đầy đủ về tính tất yếu phải ứng phó với biến đổi khí hậu và tác động của nó đến tự nhiên, kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng.

Lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực các tỉnh trung du miền núi Bắc Bộ, các tỉnh trong Vùng, phát huy năng lực đào tạo, đào tạo liên thông và liên kết nhằm đào tạo cán bộ lập, thẩm định quy hoạch có khả năng phân tích dự báo, đề ra các giải pháp đối phó với sự biến đổi khí hậu với điều kiện cụ thể của khu vực.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

9.1. Dự án ưu tiên cho giai đoạn đến 2030:

Số TT	Hạng mục ưu tiên đầu tư
A	**Nhóm dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế**
I	**Công nghiệp**
1	Cụm công nghiệp đặt tại xã Kháng Chiến (3 cụm nhỏ)
2	Cụm công nghiệp đặt tại xã Quốc Khánh
II	**Dịch vụ - Thương mại**
1	Trung tâm thương mại dịch vụ cửa khẩu Nà Nưa
2	Trung tâm thương mại dịch vụ cửa khẩu Bình Nghi
3	Khu thương mại dịch vụ đèo Bông Lau - xã Tri Phương
4	Khu thương mại – dịch vụ logistic QL4A, xã Kháng Chiến.
5	Trung tâm thương mại tại thị trấn Thất Khê
6	Chợ đầu mối tại Long Thịnh (xã Quốc Khánh)
7	Chợ đầu mối tại Áng Mò (xã Tân Tiến)
8	Chợ đầu mối tại Bình Độ (xã Quốc Việt)
III	**Du lịch**
1	Phát triển tuyến du lịch, và các công trình dịch vụ du lịch: TP Lạng Sơn – Na Sầm – Thất Khê (theo QL4)
2	Tuyến du lịch chuyên đề văn hóa: Thị trấn Thất Khê – Tri Phương – Quốc Khánh
3	Cải tạo và nâng cấp các công trình di tích lịch sử văn hóa, cách mạng tại các xã: Tri Phương, Quốc Khánh, Đề Thám và thị trấn Thất Khê
4	Xây dựng Khu Du lịch cộng đồng thôn Lũng Slàng xã Tri Phương
5	Xây dựng khu Du lịch sinh thái Bản Bó xã Tri Phương
6	Xây dựng khu Du lịch sinh thái Hồ thuỷ điện Bắc Khê xã Kim Đồng
B	**Nhóm dự án Xây dựng Nhà ở và Hạ tầng xã hội**
I	**Khu dân cư đô thị**
1	Xây dựng khu dân cư mới thị trấn Thất Khê
II	**Khu dân cư nông thôn**

Số TT	Hạng mục ưu tiên đầu tư
1	Cải tạo, xây dựng khu dân cư mới tại các xã
III	**Trụ sở cơ quan hành chính**
1	Cải tạo trụ sở cơ quan huyện
2	Cải tạo trụ sở cơ quan các xã
IV	**Thương mại**
1	Xây mới các chợ xã
V	**Y tế**
1	Bệnh viện đa khoa
2	Cải tạo trạm y tế tại các xã
VI	**Giáo dục**
1	Cải tạo mở rộng trường THCS tại các xã
2	Cải tạo mở rộng trường TH tại các xã
VII	**Văn hóa -TDTT**
1	Trung tâm văn hóa Huyện
2	Trung tâm TDTT Huyện
3	Công trình TDTT thị trấn, xã
C	**Nhóm dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật**
I	**Giao thông**
1	Xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, qua địa bàn huyện dài khoảng 27km
2	Cải tạo tuyến QL3B
3	Cải tạo tuyến QL4A
4	Xây dựng tuyến QL3E (Nâng cấp từ TL.226)
5	Nâng cấp, cải tạo 2 tuyến đường tỉnh TL.228,TL.229
6	Nâng cấp, cải tạo và xây mới 13 tuyến huyện lộ (ĐH.01-ĐH.09B)
7	Nâng cấp, cải tạo 6 tuyến liên xã (LX.02-LX.07)
8	Bến xe khách huyện Tràng Định
9	Bến xe hàng thôn Pác Lạn, Đào Viên
10	Bến xe hàng thôn Nà Mằn, Đào Viên
11	Bến xe hàng xã Quốc Khánh
12	Bến xe hàng xã Kim Đồng
II	**Thoát nước - Thủy lợi**
1	Cải tạo, bê tông hóa hệ thống kênh, mương thủy lợi hiện có
2	Cải tạo hệ thống công trình hồ chứa, đập dâng, phai hiện trạng bị hư hại; nâng cấp công trình tăng khả năng dự trữ nước
3	Xây dựng hệ thống kè ven các sông lớn (sông Kỳ Cùng, Bắc Khê, Bắc Giang) đoạn qua các đô thị hình thành phát triển mới (Áng Mò, Thất Khê, Bình Độ) và các khu vực dân cư tập trung
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước mưa thị trấn Thất Khê
5	Xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa các đô thị dự kiến phát triển: Áng Mò, Bình Độ, Long Thịnh
6	Cải tạo, nâng cấp và xây mới hệ thống thoát nước chung tại các xã nông

Số TT	Hạng mục ưu tiên đầu tư
	thôn.
III	**Cấp nước**
1	Xây dựng, cải tạo nâng cấp trạm cấp nước nông thôn
2	Xây dựng, cải tạo mạng lưới cấp nước nông thôn
3	Xây dựng mới nhà máy nước sạch đô thị
4	Xây dựng mới mạng lưới cấp nước đô thị
5	Xây dựng mới nhà máy nước cấp cụm công nghiệp/tiểu thủ công nghiệp
IV	**Cấp điện**
1	Xây dựng đường điện 220kV Việt thuộc tuyến 220KV liên kết mạch vòng từ 220KV Lạng Sơn – Cao Bằng
2	Xây dựng mạng lưới đường điện 110kV
V	**Hệ thống thông tin liên lạc**
1	Xây dựng nâng cấp các điểm phục vụ bưu chính, trạm truy cập viễn thông
VI	**Thoát nước thải, QLCTR và NT**
1	Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại thị trấn Thất Khê và các đô thị dự kiến phát triển
2	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước chung tại các xã nông thôn
3	Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại các khu cụm công nghiệp
4	Đầu tư nâng cấp khu xử lý CTR tập trung của huyện
5	Xây mới các trạm trung chuyển CTR tập trung
6	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn (4,6ha)
7	Đóng và cải tạo khu vực nghĩa trang hiện hữu

9.2. Dự án ưu tiên cho giai đoạn 2030-2040:

Số TT	Hạng mục ưu tiên đầu tư
A	**Nhóm dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế**
I	**Công nghiệp**
1	Cụm tiểu thủ công nghiệp đặt tại xã Tân Yên
2	Cụm công nghiệp đặt tại xã Đề Thám
3	Cụm công nghiệp đặt tại xã Tân Tiến
4	Cụm công nghiệp đặt tại xã Chí Minh
5	Cụm công nghiệp đặt tại xã Quốc Việt
6	Cụm công nghiệp đặt tại xã Quốc Việt (Bình Độ)
II	**Dịch vụ - Thương mại**
1	Chợ đầu mối tại xã Đoàn Kết
2	Chợ đầu mối tại xã Kim Đồng
III	**Du lịch**
1	Tuyến du lịch chuyên đề văn hóa: Thị trấn Thất Khê – Kim Đồng –

Số TT	Hạng mục ưu tiên đầu tư
	Đoàn Kết
2	Cải tạo các công trình di tích lịch sử văn hóa, cách mạng tại các xã: Chi Lăng, Tân Yên, Hùng Sơn, Hùng Việt, Quốc Việt
3	Xây dựng Khu Du lịch làng văn hóa dân tộc H'Mông Lạng Sơn tại xã Cao Minh
4	Xây dựng khu du lịch cộng đồng tại xã Đoàn Kết:
5	Xây dựng khu du lịch cộng đồng tại xã Chí Minh:
6	Xây dựng khu du lịch sinh thái Khuổi Vai, thôn Bắc Ái, xã Đề Thám
7	Xây dựng khu du lịch cộng đồng tại xã Quốc Việt
8	Xây dựng khu du lịch hồ thủy điện Thác Xăng
B	**Nhóm dự án Xây dựng Nhà ở và Hạ tầng xã hội**
I	**Khu dân cư đô thị**
1	Xây dựng khu dân cư mới tại Long Thịnh
2	Xây dựng khu dân cư mới tại Áng Mò
3	Xây dựng khu dân cư mới tại Bình Độ
II	**Khu dân cư nông thôn**
1	Cải tạo, xây dựng khu dân cư mới tại các xã
III	**Trụ sở cơ quan hành chính**
IV	**Thương mại**
1	Xây mới các chợ xã
V	**Y tế**
1	Cải tạo trạm y tế tại các xã
VI	**Giáo dục**
1	Xây dựng trường PTTH mới tại thị trấn Thất Khê
2	Cải tạo trường PTTH Bình Độ
3	Xây dựng trường PTTH tại xã Quốc Khánh
4	Xây dựng trường PTTH tại xã Tân Tiến
5	Xây dựng trường THCS thị trấn
6	Xây dựng trường TH thị trấn
VII	**Văn hóa -TDTT**
1	Công trình văn hóa thị trấn, xã
2	Công trình TDTT thị trấn, xã
C	**Nhóm dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật**
I	**Giao thông**
1	Xây mới tuyến liên xã LX.01, LX.08-LX.12
II	**Thoát nước - Thủy lợi**
1	Xây dựng thêm mới hệ thống kênh, mương thủy lợi
2	Xây dựng các công trình hồ chứa, đập dâng, phai mới tại các xã có nguồn nước dữ trữ hạn chế: xã Tân Yên (hồ Nà Luông), xã Đoàn Kết (đập Khuổi Heng), xã Đội Cấn (đập Nặm Khoang), xã Trung Thành (đập Khuổi Slẳng, phai Nà Tàng), xã Tân Minh (đập Bản Slẳng), xã

Số TT	Hạng mục ưu tiên đầu tư
	Quốc Việt (đập Kéo Phẩy, đập Nà Pò), xã Hùng Sơn (đập Khuổi Khun)
3	Xây dựng hệ thống gia cố, chống sạt lở ven suối lớn (suối Trung Thành, Kỳ Nà, Nặm Ăn…) đoạn qua các khu vực dân cư tập trung
III	**Cấp nước**
1	Xây dựng, cải tạo nâng cấp trạm cấp nước nông thôn
2	Xây dựng, cải tạo mạng lưới cấp nước nông thôn
3	Xây dựng mới nhà máy nước sạch đô thị
4	Xây dựng mới mạng lưới cấp nước đô thị
5	Xây dựng mới nhà máy nước cấp cụm công nghiệp/tiểu thủ công nghiệp
IV	**Cấp điện**
3	Xây dựng điện gió Tràng Định công suất 48MVA
V	**Hệ thống thông tin liên lạc**
VI	**Thoát nước thải, QLCTR và NT**
1	Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại thị trấn Thất Khê và các đô thị dự kiến phát triển
2	Xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước chung tại các xã nông thôn
3	Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại các khu cụm công nghiệp
4	Đầu tư nâng cấp khu xử lý CTR tập trung của huyện

10. Nguồn vốn: Nguồn vốn từ Ngân sách nhà nước và Nguồn vốn xã hội hóa…

10.1. Tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư dự kiến thực hiện đến năm 2030 khoảng 13.466 tỷ đồng. Đến năm 2040 khoảng 18.730,9 tỷ đồng. Trong đó:

Giai đoạn đến năm 2030:

+ Tổng mức đầu tư cho nhóm cơ sở hạ tầng kinh tế: 2.848,5 tỷ đồng

+ Tổng mức đầu tư cho nhóm Nhà ở và HTXH: 757 tỷ đồng

+ Tổng mức đầu tư cho nhóm HTKT: 9.860,7 tỷ đồng

Giai đoạn từ năm 2030 - 2040:

+ Tổng mức đầu tư cho nhóm cơ sở hạ tầng kinh tế: 4.099,8 tỷ đồng

+ Tổng mức đầu tư cho nhóm Nhà ở và HTXH: 1.831,3 tỷ đồng

+ Tổng mức đầu tư cho nhóm HTKT: 12.799,9 tỷ đồng

10.2. Xác định nguồn vốn:

Dự kiến nguồn vồn cho đầu tư ở 2 nhóm nguồn chính gồm: Nguồn vốn từ Ngân sách cấp và Nguồn vốn xã hội hóa. Trong đó:

Giai đoạn đến năm 2030:

- Vốn ngân sách: 9.710,0 tỷ đồng , gồm:

+ Vốn cho nhóm cơ sở hạ tầng kinh tế: 193,0 tỷ đồng

+ Vốn cho nhóm Nhà ở và HTXH: 369,0 tỷ đồng

+ Vốn cho nhóm HTKT: 9.148,0 tỷ đồng

- Vốn xã hội hóa: 3.756,3 tỷ đồng

+ Vốn cho nhóm cơ sở hạ tầng kinh tế: 2.655,5 tỷ đồng

+ Vốn cho nhóm Nhà ở và HTXH: 388,0 tỷ đồng

+ Vốn cho nhóm HTKT: 721,8 tỷ đồng

Giai đoạn từ năm 2030 - 2040:

+ Vốn ngân sách: 10.568,7 tỷ đồng

+ Vốn cho nhóm cơ sở hạ tầng kinh tế: 169,0 tỷ đồng

+ Vốn cho nhóm Nhà ở và HTXH: 525,0 tỷ đồng

+ Vốn cho nhóm HTKT: 9.874,7 tỷ đồng

+ Vốn xã hội hóa: 7.563,7 tỷ đồng

+ Vốn cho nhóm cơ sở hạ tầng kinh tế: 3.930,8 tỷ đồng

+ Vốn cho nhóm Nhà ở và HTXH: 1.306,3 tỷ đồng

+ Vốn cho nhóm HTKT: 2.925,1 tỷ đồng

(Gửi kèm: Dự thảo Nghị quyết HĐND; Hồ sơ đồ án quy hoạch vùng huyện gồm thuyết minh + bản đồ quy hoạch - đã hoàn thiện chỉnh sửa theo cá ý kiến góp ý; Tệp tài liệu liên quan đến lập quy hoạch vùng huyện)

Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tràng Định đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, PCVP HĐND&UBND huyện;
- Các phòng chuyên môn UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Thiện